

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 428/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-12- 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Trinh.
2. Bà Trần Thiều Huệ Tiên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Ngô Hoài P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T xin vắng mặt, anh P vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Chị và anh P sống chung năm 2019 do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P thường xuyên ăn nhậu, mắng chửi cha mẹ chị, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân không có hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Ngô Gia Đ, sinh ngày 20/01/2020 đang sống với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh P

cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Ngô Hoài P đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T xin vắng mặt, bị đơn anh Ngô Hoài P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 20/12/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P thường xuyên ăn nhậu và mắng chửi cha mẹ chị, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh P đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục mà để tình trạng ly thân kéo dài; điều này chứng tỏ về tình cảm giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung là Ngô Gia Đ, sinh ngày 20/01/2020. Chị T yêu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện cháu Đ đang sống chung với chị T, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường cho cháu thì việc giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật; nhằm tạo điều kiện về vật chất để cháu Đ được chăm sóc tốt hơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T, anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Hoài P.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Gia Đ, sinh ngày 20/01/2020 cho chị Lê Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Ngô Hoài P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Gia Đ mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 745.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006441 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T đã nộp xong.

Anh Ngô Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám